

CHƯƠNG V - YÊU CẦU KỸ THUẬT

MỤC 1. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu kỹ thuật (mang tính kỹ thuật thuần túy) và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp hàng hóa (trừ giá). Yêu cầu về kỹ thuật phải được nêu đầy đủ, rõ ràng và cụ thể để làm cơ sở cho nhà thầu lập E-HSDT.

Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, đồng thời cũng không đưa ra các yêu cầu quá cao dẫn đến làm tăng giá dự thầu hoặc làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu, không được nêu yêu cầu về tên, ký mã hiệu, nhãn hiệu cụ thể của hàng hóa.

Hồ sơ mời thầu được nêu nhãn hiệu, catalô của một sản phẩm cụ thể để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa nhưng phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalô đồng thời phải quy định rõ nội hàm tương đương với hàng hóa đó về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác (nếu có) để tạo thuận lợi cho nhà thầu trong quá trình chuẩn bị E-HSDT mà không được quy định tương đương về xuất xứ.

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Chủ đầu tư: Văn phòng UBND tỉnh Nghệ An;
- Tên dự toán: Mua xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng UBND tỉnh Nghệ An;
- Gói thầu: Mua 02 xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng UBND tỉnh Nghệ An;
- Thời gian thực hiện gói thầu: 06 tháng;
- Loại hợp đồng: Trọn gói;

- Địa điểm thực hiện: Văn phòng UBND tỉnh Nghệ An, địa chỉ: Số 03 đường Trường Thi, Phường Vinh, Tỉnh Nghệ An Nghệ An.

2. Khối lượng mời thầu

TT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
1	Xe ô tô Fortuner 2.7 4x4 AT (hoặc tương đương)	Xe ô tô	1	Mục 3.1 kèm theo
2	Xe ô tô Ford Everest Titanium 4x4 (hoặc tương đương)	Xe ô tô	1	Mục 3.2 kèm theo

3. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu kỹ thuật đối với hàng hoá thuộc gói thầu: Mua 02 xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng UBND tỉnh Nghệ An, như sau:

3.1. Xe ô tô 7 chỗ 2 cầu Ford Everest Titanium 4x4 (hoặc tương đương):

TT	NỘI DUNG YÊU CẦU	MỨC TỐI THIỂU PHẢI ĐÁP ỨNG <i>(Nhà thầu có thể đề xuất thương hiệu khác, đảm bảo đáp ứng tương đương hoặc tốt hơn, kèm theo tài liệu chứng minh đáp ứng tất cả yêu cầu mô tả tại bảng này)</i>
1	XUẤT XỨ, HÃNG SX, MODEL	
	Xuất xứ (nước sản xuất)	Nhà thầu đề xuất
	Thương hiệu (hãng sản xuất)	Nhà thầu đề xuất
	Model (chủng loại xe)	Ford Everest Titanium 2.0L AT 4x4 (hoặc tương đương)
	Màu sắc ngoại thất (màu thân xe)	Màu đen (bắt buộc phải tuân thủ)
2	THÔNG SỐ KỸ THUẬT TỐI THIỂU	
	D x R x C (mm)	≥ 4914 x 1923 x 1842
	Chiều dài cơ sở (mm)	≥ 2900

TT	NỘI DUNG YÊU CẦU	MỨC TỐI THIỂU PHẢI ĐÁP ỨNG <i>(Nhà thầu có thể đề xuất thương hiệu khác, đảm bảo đáp ứng tương đương hoặc tốt hơn, kèm theo tài liệu chứng minh đáp ứng tất cả yêu cầu mô tả tại bảng này)</i>
	Khoảng sáng gầm xe (mm)	≥ 200
	Động cơ	Bi Turbo Diesel 2.0L i4 TDCI (tăng áp kép)
	Tiêu chuẩn khí thải	EURO ≥5
	Công suất cực đại (ps/rpm)	≥ 209.8(154.3kW)/3750
	Momen xoắn cực đại (Nm/rpm)	≥ 500/1750-2000
	Hộp Số	Tự động ≥10 cấp điện tử
	Hệ thống kiểm soát đường địa hình	Có
	Trợ lực lái	Trợ lực lái điện
	Thể tích bình nhiên liệu (L)	80L
	Hệ thống dẫn động	Hai cầu chủ động /4x4
	Phanh trước/ sau	Đĩa/đĩa
	Phanh tay điện tử	Có
	Hệ thống treo trước	Hệ thống độc lập, lò xo trụ và thanh cân bằng
	Hệ thống treo sau	Hệ thống treo sau sử dụng lò xo trụ, ống giảm chấn lớn và thanh ổn định liên kết kiểu Watts linkage
	Thông số lốp	255/55R20
3	MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU	
	Chu trình tổ hợp	≤ 8.76 L/100Km

TT	NỘI DUNG YÊU CẦU	MỨC TỐI THIỂU PHẢI ĐÁP ỨNG <i>(Nhà thầu có thể đề xuất thương hiệu khác, đảm bảo đáp ứng tương đương hoặc tốt hơn, kèm theo tài liệu chứng minh đáp ứng tất cả yêu cầu mô tả tại bảng này)</i>
	Chu trình đô thị cơ bản	≤ 11.41/100Km
	Chu trình đô thị phụ	≤ 7.22/100Km
4	NGOẠI THẤT	
	Đèn pha trước	Led Matrix, tự động bật đèn, tự động bật đèn chiếu góc
	Đèn pha chống chói tự động	Có
	Bánh xe	Vành hợp kim nhôm 20 inch
	Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện	Có
	Cửa hậu đóng/mở điện	Có
	Cửa sổ trời toàn cảnh panorama	Có
	Gạt mưa tự động	Có
	Đèn sương mù	Có
5	NỘI THẤT VÀ TIỆN NGHI	
	Khởi động bằng nút bấm	Có
	Vô lăng bọc da	Có
	Điều khiển âm thanh trên tay lái	Có
	Chất liệu ghế	Da + Vinyl tổng hợp
	Điều chỉnh hàng ghế trước	Ghế lái, ghế phụ chỉnh điện ≥ 8 hướng.
	Hàng Ghế thứ ba gập điện	Có

TT	NỘI DUNG YÊU CẦU	MỨC TỐI THIỂU PHẢI ĐÁP ỨNG <i>(Nhà thầu có thể đề xuất thương hiệu khác, đảm bảo đáp ứng tương đương hoặc tốt hơn, kèm theo tài liệu chứng minh đáp ứng tất cả yêu cầu mô tả tại bảng này)</i>
	Điều hòa tự động 2 vùng độc lập	Tự động ≥ 2 vùng khí hậu
	Bảng đồng hồ tốc độ	Màn hình TFT $\geq 12"$
	Hệ thống SYNC	Điều khiển giọng nói SYNC 4A/ Voice Control SYNC 4A màn hình TFT Cảm ứng $\geq 12"$
	Hệ thống âm thanh	AM/FM, MP3, Ipod, USB, Bluetooth
	Sạc không dây	Có
	Chìa khóa thông minh	Có
	Gương chiếu hậu trong	Tự động điều chỉnh 2 chế độ Ngày/ đêm
	Cửa Kính điều khiển điện	Có(1 chạm lên xuống tích hợp chống kẹt cho cả 2 hàng ghế)
6	AN TOÀN	
	Camera 360	Có
	Hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe	Cảm biến trước và sau
	Chống bó cứng phanh ABS	Có
	Phân bổ lực phanh điện tử EBD	Có
	Hỗ trợ lực phanh khẩn cấp	Có
	Hệ Thống Cân bằng điện tử	Có
	Hỗ trợ khởi hành ngang dốc	Có
	Hệ thống kiểm soát độ dẻo	Có

TT	NỘI DUNG YÊU CẦU	MỨC TỐI THIỂU PHẢI ĐÁP ỨNG <i>(Nhà thầu có thể đề xuất thương hiệu khác, đảm bảo đáp ứng tương đương hoặc tốt hơn, kèm theo tài liệu chứng minh đáp ứng tất cả yêu cầu mô tả tại bảng này)</i>
	Hệ thống kiểm soát áp suất lốp	Có
	Hệ thống cảnh báo va chạm và hỗ trợ phanh khẩn cấp khi gặp chướng ngại vật phía trước	Có
	Hệ thống cảnh báo lệch làn và hỗ trợ duy trì làn đường	Có
	Hệ thống chống trộm	Có
	Hệ thống kiểm soát tốc độ	Tự động
	Túi khí phía trước	Có
	Túi khí bên	Có
	Túi khí rèm dọc hai bên trần xe	Có
	Túi khí bảo vệ đầu gối người lái	Có

3.1. Xe ô tô 7 chỗ 2 cầu FORTUNER 2.7 4x4 AT (hoặc tương đương):

Stt	NỘI DUNG YÊU CẦU	MỨC TỐI THIỂU PHẢI ĐÁP ỨNG <i>(Nhà thầu có thể đề xuất thương hiệu khác, đảm bảo đáp ứng tương đương hoặc tốt hơn, kèm theo tài liệu chứng minh đáp ứng tất cả yêu cầu mô tả tại bảng này)</i>
1	XUẤT XỨ, HÃNG SX, MODEL	
	Xuất xứ (nước sản xuất)	Nhà thầu đề xuất
	Thương hiệu (hãng sản xuất)	Nhà thầu đề xuất
	Model (chủng loại xe)	FORTUNER 2.7 4x4 AT (hoặc tương đương)
2	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
	Kích thước tổng thể bên ngoài Dài x Rộng x Cao (mm)	$\geq 4795 \times 1855 \times 1835$
	Chiều dài cơ sở (mm)	≥ 2745
	Khoảng sáng gầm xe (mm)	≥ 279
	Bán kính vòng quay tối thiểu (m)	≤ 5.8
	Dung tích bình nhiên liệu (L)	110
	Loại động cơ	2TR-FE (2.7L), hoặc tương đương
	Xy-lanh	4 xy-lanh thẳng hàng
	Dung tích xy-lanh (cc)	≤ 2694
	Hệ thống nhiên liệu	Phun nhiên liệu xăng điện tử
	Loại nhiên liệu	Xăng
	Công suất tối đa (PS@rpm)	$\geq 122 (164)/5200$

Stt	NỘI DUNG YÊU CẦU	MỨC TỐI THIỂU PHẢI ĐÁP ỨNG <i>(Nhà thầu có thể đề xuất thương hiệu khác, đảm bảo đáp ứng tương đương hoặc tốt hơn, kèm theo tài liệu chứng minh đáp ứng tất cả yêu cầu mô tả tại bảng này)</i>
	Mô men xoắn tối đa (Nm@rpm)	$\geq 245/4000$
	Tiêu chuẩn khí thải	Euro ≥ 5
	Tiêu thụ nhiên liệu (L/100km)	
	Ngoài đô thị	≤ 9.3
	Kết hợp	≤ 11.2
	Trong đô thị	≤ 14.5
3	TRUYỀN LỰC	
	Loại dẫn động	Dẫn động 2 cầu bán thời gian, gài cầu điện tử
	Hộp số	Số tự động ≥ 6 cấp
	Chế độ lái	Có
4	KHUNG GÀM	
	Hệ thống treo Trước	Độc lập, tay đòn kép với thanh cân bằng
	Hệ thống treo Sau	Phụ thuộc, liên kết 4 điểm
	Hệ thống lái	Trợ lực lái thủy lực biến thiên theo
	Vành & lốp xe Loại vành	Mâm đúc
	Kích thước lốp	265/60R18
	Phanh Trước/sau	Đĩa thông gió/Đĩa

Stt	NỘI DUNG YÊU CẦU	MỨC TỐI THIỂU PHẢI ĐÁP ỨNG <i>(Nhà thầu có thể đề xuất thương hiệu khác, đảm bảo đáp ứng tương đương hoặc tốt hơn, kèm theo tài liệu chứng minh đáp ứng tất cả yêu cầu mô tả tại bảng này)</i>
5	NGOẠI THẤT	
	Cụm đèn trước Đèn chiếu gần/đèn chiếu xa	LED
	Đèn chiếu sáng ban ngày	Có
	Hệ thống điều khiển đèn tự động	Có
	Hệ thống cân bằng góc chiếu	Có
	Chế độ đèn chờ dẫn đường	Có
	Cụm đèn sau	LED
	Đèn báo phanh trên cao	LED
	Đèn sương mù Trước	LED
	Gương chiếu hậu ngoài Chức năng điều chỉnh & gập điện	Có
	Tích hợp đèn báo rẽ	Có
6	NỘI THẤT	
	Tay lái Số châu	3 châu
	Chất liệu	Bọc da, ốp gỗ, mạ bạc
	Nút bấm điều khiển tích hợp	Điều chỉnh âm thanh, màn hình hiển thị đa thông tin, đàm thoại rảnh tay
	Gương chiếu hậu trong	Chống chói tự động

Stt	NỘI DUNG YÊU CẦU	MỨC TỐI THIỂU PHẢI ĐÁP ỨNG <i>(Nhà thầu có thể đề xuất thương hiệu khác, đảm bảo đáp ứng tương đương hoặc tốt hơn, kèm theo tài liệu chứng minh đáp ứng tất cả yêu cầu mô tả tại bảng này)</i>
	Cụm đồng hồ Đèn báo chế độ Eco	Có
	Màn hình hiển thị đa thông tin	Có (màn hình TFT $\geq 4.2''$)
	Ghế Chất liệu ghế	Da
	Ghế trước Điều chỉnh ghế lái	Chỉnh điện ≥ 8 hướng
	Điều chỉnh ghế hành khách	Chỉnh điện ≥ 8 hướng
7	TIỆN NGHI	
	Hệ thống điều hòa	Tự động ≥ 2 vùng
	Cửa gió sau	Có
	Hệ thống âm thanh Màn hình	Màn hình cảm ứng $\geq 9''$
	Số loa	≥ 11 loa JBL hoặc tương đương
	Kết nối đa phương tiện	Có
	Chìa khóa thông minh & khởi động bằng nút bấm	Có
	Khóa cửa điện, Chức năng khóa cửa từ xa	Có
	Cốp điều khiển điện	Có
	Hệ thống điều khiển hành trình	Có
8	AN NINH - HỆ THỐNG CHỐNG TRỘM	
	Hệ thống báo động	Có

Stt	NỘI DUNG YÊU CẦU	MỨC TỐI THIỂU PHẢI ĐÁP ỨNG <i>(Nhà thầu có thể đề xuất thương hiệu khác, đảm bảo đáp ứng tương đương hoặc tốt hơn, kèm theo tài liệu chứng minh đáp ứng tất cả yêu cầu mô tả tại bảng này)</i>
	Hệ thống mã hóa khóa động cơ	Có
9	AN TOÀN CHỦ ĐỘNG	
	Cảnh báo lệch làn đường (LDA)	Không có
	Cảnh báo tiền va chạm (PCS)	Không có
	Điều khiển hành trình chủ động (DRCC)	Không có
	Chống bó cứng phanh (ABS)	Có
	Hệ thống hỗ trợ lực phanh khẩn cấp (BA)	Có
	Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (EBD)	Có
	Hệ thống cân bằng điện tử (VSC)	Có
	Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc (HAC)	Có
	Đèn báo phanh khẩn cấp (EBS)	Có
	Hệ thống cảnh báo điểm mù (BSM)	Có
	Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau (RCTA)	Có
	Hệ thống kiểm soát lực kéo (TRC)	Có (A-TRC)
	Hệ thống hỗ trợ đỗ xe (DAC)	Có
	Camera	Camera 360
	Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Trước, Sau	Có

Stt	NỘI DUNG YÊU CẦU	MỨC TỐI THIỂU PHẢI ĐÁP ỨNG <i>(Nhà thầu có thể đề xuất thương hiệu khác, đảm bảo đáp ứng tương đương hoặc tốt hơn, kèm theo tài liệu chứng minh đáp ứng tất cả yêu cầu mô tả tại bảng này)</i>
10	AN TOÀN BỊ ĐỘNG	
	Túi khí người lái & hành khách phía trước	Có
	Túi khí đầu gối người lái	Có
	Túi khí rèm, Túi khí bên hông phía trước	Có
	Dây đai an toàn	3 điểm ELR, 7 vị trí

4. Các yêu cầu khác

- a) Xe ô tô được bảo hành chính hãng theo quy định của nhà sản xuất tại tất cả các xưởng/đại lý chính hãng trên toàn quốc (tại Việt Nam);
- b) Được hưởng đầy đủ các chính sách ưu đãi (nếu có) đối với khách hàng (không phân biệt khách hàng cá nhân và khách hàng cơ quan/doanh nghiệp);
- c) Phụ tùng thay thế đảm bảo chính hãng, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; thời gian sử dụng dự kiến 20 năm.

Mục 2. Bản vẽ: Không có

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- a) Kiểm tra hồ sơ kỹ thuật, đối chiếu thực tế các chi tiết/tính năng của xe;
- b) Kiểm tra màu sắc nội thất/ngoại thất;

- c) Kiểm tra các vết xước/va chạm thân vỏ;
- d) Lái thử 05 km trên đường phố thực tại Văn phòng UBND tỉnh Nghệ An, địa chỉ: Số 03 đường Trường Thi, Phường Vinh, Tỉnh Nghệ An Nghệ An;
- e) Kiểm tra tiếng ồn động cơ, tiếng độ lạ nếu có;
- f) Các kiểm tra trực quan khác (trường hợp cần thiết có thể yêu cầu đưa xe lên cầu nâng để kiểm tra phần gầm xe và các chi tiết khác).

Trong mọi trường hợp nếu phát hiện xe ô tô có dấu hiệu đã qua sử dụng hoặc gỉ sét hoặc có sự sai khác với cam kết của nhà thầu. Văn phòng UBND tỉnh Nghệ An sẽ từ chối nhận xe và yêu cầu nhà thầu bồi thường toàn bộ chi phí phát sinh và các thiệt hại nếu có.